

Số: 87/QĐ-MN2

Tân Bình, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024
của Trường Mầm Non 2**

.Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

.Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 60/2017/TT-BTC ngày 5/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của Ủy ban nhân dân quận Tân Bình về phân bổ dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024 cho các đơn vị Khối Giáo dục quận Tân Bình;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của trường Mầm Non 2 (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán trưởng và các bộ phận có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đơn vị dự toán cấp trên;
- Lưu :VT, ...



HIỆU TRƯỞNG

**TRƯỞNG
MẦM NON 2**

Phạm Thị Mai Trang

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày tháng năm của Bộ Tài chính
Đơn vị : **TRƯỜNG MẦM NON 2**
Chương: **022**

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 979/QĐ-UBND ngày 22/12/2023 của UBND Quận Tân Bình)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

		Dvt: ngàn đồng
Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7.001.473.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.072.657.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.359.890.000
	- Chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND và Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND	375.505.000
	- Chính sách hỗ trợ giáo viên mầm non theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND và Nghị quyết số 04/2021/NQ-HĐND	437.310.000
	- Trả lương dạy thêm giờ cho nhà giáo theo Thông tư 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC	213.355.000
	- Chính sách đặc thù hỗ trợ học phí cho năm học 2023-2024 theo Nghị quyết 36/2023/NQ-HĐND	333.720.000
3.3	Nguồn cải cách tiền lương ngân sách phân bổ	2.568.926.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	